

Bản án số: 56/2020/HS-ST
Ngày 24-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Long Thị Tuyết Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vượng.
2. Ông Nguyễn Ngọc Xuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà: Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2020/TLST- HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Lê Quang T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2000 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Quang Đ, sinh năm 1974 và bà Đinh Thị X, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Nguyễn Duy K, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2001 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nguyễn Hữu K, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2019 đến ngày 26/12/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Nguyễn Hải L, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2001 tại huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2019 đến ngày 26/12/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, trú tại: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt). Chị Nguyễn Thị L (là vợ của anh Nguyễn Văn T, là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Hải L), sinh năm 1980, trú tại: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ ngày 23/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Tuyên Quang lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Hải L, sinh ngày 18/3/2001, trú tại thôn H, xã T, huyện S; Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/10/2001, trú tại thôn T, xã P, huyện S về hành vi vận chuyển hàng cấm. Tang vật thu giữ: 01 bao tải chứa màu trắng bên trong có 05 hộp pháo; 01 điện thoại di động NOKIA TA1010, bên trong có 01 sim điện thoại của Nguyễn Duy K; 01 điện thoại di động IPHONE 6 Plus, bên trong có 01 sim điện thoại của Nguyễn Hải L; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITERV biển kiểm soát 34L4- 0519.

Tại Kết luận giám định số 56/GĐKTHS ngày 26/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang. Kết luận: 05 khối hộp gửi giám định là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ). Khối lượng 07 Kg (bảy kilogam).

Quá trình điều tra xác định: Do có nhu cầu mua pháo về đốt chơi dịp tết nên ngày 15/12/2019, Nguyễn Duy K đã đăng lên trang cá nhân facebook của mình nội dung “anh em tết này có đồ gì chơi không” ý là muốn mua pháo về đốt tết, thì có Đặng Quốc H, sinh năm 1999, trú tại thôn P, xã P, huyện S nhắn tin qua messenger và xin số điện thoại của K, sau đó H gọi điện hẹn K đến quán nước nhà Hường Quang ở gần nhà H để trao đổi mua bán pháo. Khi K đến nơi thì gặp H và Lê Quang T, sinh năm 2000, trú tại thôn P, xã P, huyện S, tại đây nói muốn mua 15 quả pháo thì T nói 35.000 đồng/quả, K đồng ý và đưa trước cho T 500.000 đồng để mua pháo, T cầm tiền đi khoảng 10 phút sau quay lại trả tiền cho K và nói hiện tại đang hết pháo. Sau đó K đi về nhà.

Ngày 17/12/2019, Nguyễn Duy K nhắn tin qua messenger cho Vũ Hoàng T, sinh năm 2000, trú tại thôn P, xã P, huyện S với nội dung muốn mua 05 cặp pháo, thì T trả lời “để anh hỏi cho”. Ngày 20/12/2019 Thịnh đến nhà T chơi và nói chuyện với T về việc T có 05 cặp pháo muốn bán, sau đó T cho T số điện thoại của K.

Ngày 23/12/2019 Lê Quang T gọi điện thoại cho K nói có 05 hộp pháo loại pháo dân 36 quả 01 hộp muốn bán với giá 700.000 đồng/ hộp, K đồng ý mua.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, K đi nhờ xe mô tô về đến khu vực ngã ba ông Việt thuộc tổ dân phố T, thị trấn S, huyện Sơn Dương thì gặp và rủ Nguyễn Hải L cùng mua pháo về để sử dụng, L đồng ý mua 02 hộp và đưa cho K số tiền 1.400.000 đồng. Sau đó K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 34L4 - 0519 chở Nguyễn Hải L (xe mô tô là của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, trú tại thôn H, xã T, huyện S (bố của L), anh T không biết L sử dụng xe mô tô đi mua pháo), rồi K gọi điện thoại cho T hẹn mang 05 hộp pháo đến khu vực đập Đại Bàng thuộc thôn C, xã P, huyện S, rồi K và L đi đến địa điểm hẹn thì thấy T đã đứng chờ ở bờ đập Đại Bàng. Tại đây K đưa cho T số tiền 3.500.000 đồng để mua 05 hộp pháo, sau khi mua được pháo K chở L và 05 hộp pháo đi về, khi đi đến phía ngoài đập Đại Bàng thuộc thôn C, xã P, huyện S thì bị tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện yêu cầu về Ủy ban nhân dân xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương làm việc và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Khanh và Long.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKSSD, ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố:

- Bị cáo Lê Quang T về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Duy K, Nguyễn Hải L về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T vắng mặt, có vợ là chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34L4-0519, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe hai bánh JUPITERV vì đây là tài sản của gia đình anh Thắng chị Lan, phục vụ sinh hoạt hàng ngày, anh chị không biết việc bị cáo lấy xe mô tô đi chở pháo.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: bị cáo Lê Quang T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; các bị cáo Nguyễn Duy K, Nguyễn Hải L phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

- Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang T từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/6/2020).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy Khanh.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Duy K, Nguyễn Hải L từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/6/2020).

Không đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đề nghị truy thu của bị cáo Lê Quang T số tiền 3.500.000 đồng là tiền do bị cáo Lê Quang T phạm tội mà có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xử các bị cáo mức án nhẹ nhất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Duy K, Nguyễn Hải L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 23/12/2019 tại khu vực đập Đại Bàng thuộc thôn C, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Lê Quang T có hành vi bán 05 hộp pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc nổ và khi đốt có gây tiếng nổ) với khối lượng 07kg (*Bảy kilôgam*) cho Nguyễn Duy K và Nguyễn Hải L. Khi K và L đang trên đường vận chuyển về để sử dụng thì bị phát hiện và bắt giữ. Hành vi của bị cáo Lê Quang T phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Duy K, Nguyễn Hải L phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương, vi phạm chính sách cấm mua bán, tàng trữ, vận chuyển và đốt pháo nổ của Nhà nước. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, biết hành vi tàng trữ, buôn bán pháo nổ là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo là cố ý, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo có nhân thân tốt và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Nguyễn Duy K, Nguyễn Hải L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Lê Quang T có ông ngoại là ông Đinh Công Ư được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và có đơn xin được cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo Nguyễn Duy K có ông nội là ông Nguyễn Hữu L được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt cho phù hợp với từng bị cáo.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên, HĐXX xét thấy: Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú và có khả năng tự cải tạo. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội, nên không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho cải tạo tại địa phương cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Các bị cáo Nguyễn Duy K, Nguyễn Hải L đồng phạm cùng nhau thực hiện hành vi “Tàng trữ hàng cấm”, nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng thêm Điều 58 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo để có mức án phù hợp.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Quá trình điều tra xác định các bị cáo làm ruộng và lao động tự do, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Quang T theo quy định tại khoản 4 Điều 190, bị cáo Nguyễn Duy K và Nguyễn Hải L theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng, HĐXX xử lý như sau:

- Đối với 01 thùng bìa cát tông có trọng lượng là 07kg, sau khi gửi giám định còn lại 6,6kg, tất cả được niêm phong bằng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang. Đây là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITERV, màu sơn xanh, biển kiểm soát 34L4-0519, số khung 04Y077875, số máy 5VT277875, xe cũ đã qua sử dụng, có kèm theo chìa khóa xe. Đây là tài sản của gia đình anh Nguyễn Văn T (bố của bị cáo L), phục vụ sinh hoạt hàng ngày của gia đình, cần tuyên trả lại cho anh T.

- Đối với 01 điện thoại di động NOKIA TA1010 đã qua sử dụng, có số IMEI 3569440093963733, bên trong có 01 sim điện thoại của Nguyễn Duy K. Đây là tài sản của bị cáo K, sử dụng để liên lạc hàng ngày, không sử dụng vào việc phạm tội, cần tuyên trả cho bị cáo K.

- Đối với 01 điện thoại di động IPHONE 6 Plus đã qua sử dụng, có số IMEI 35924065185695, bên trong có 01 sim điện thoại của Nguyễn Hải L. Đây là tài sản của bị cáo L, sử dụng để liên lạc hàng ngày, không sử dụng vào việc phạm tội, cần tuyên trả cho bị cáo L.

Đối với số tiền bị cáo Lê Quang T bán pháo cho Nguyễn Duy K và Nguyễn Hải L được 3.500.000đồng, T đã chi tiêu hết. Xác định đây là tiền do phạm tội mà có, cần truy thu của bị cáo Lê Quang T 3.500.000đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với nguồn gốc 05 hộp pháo T bán cho K và L, quá trình điều tra T khai mua của Trần Văn V, sinh năm 1973, trú tại thôn P, xã P, huyện S nhưng với những tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh Trần Văn V là người bán pháo cho Lê Quang T.

Đối với hành vi của Đặng Quốc H giúp sức để Lê Quang T bán pháo cho Nguyễn Duy K vào ngày 15/12/2019 nhưng hôm đó T không bán pháo cho K; và hành vi của Vũ Hoàng T cho T số điện thoại của K vào ngày 20/12/2019 nhưng T không biết T có bán được pháo cho K hay không. Vì vậy hành vi của Đặng Quốc H và Vũ Hoàng T không đồng phạm với Lê Quang T về tội buôn bán hàng cấm.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Về tội danh:

Tuyên bố Bị cáo Lê Quang T phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Các bị cáo Nguyễn Duy K, Nguyễn Hải L phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*”.

*Về hình phạt:

- Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo **Lê Quang T** 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/6/2020).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy K.

2. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy K** 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/6/2020).

3. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hải L** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/6/2020).

Giao các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Duy K cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; giao bị cáo Nguyễn Hải L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thùng bìa cát tông có trọng lượng là 07kg, sau khi gửi giám định còn lại 6,6kg, tất cả được niêm phong bằng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITERV, màu sơn xanh, biển kiểm soát 34L4-0519, số khung 04Y077875, số máy 5VT277875, xe cũ đã qua sử dụng, có kèm theo chìa khóa xe.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy K: 01 điện thoại di động NOKIA TA1010 đã qua sử dụng, có số IMEI 3569440093963733, bên trong có 01 sim điện thoại của Nguyễn Duy K.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hải L 01 điện thoại di động IPHONE 6 Plus đã qua sử dụng, có số IMEI 35924065185695, bên trong có 01 sim điện thoại của Nguyễn Hải L.

- Truy thu của bị cáo Lê Quang T số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền do bị cáo phạm tội mà có nộp ngân sách nhà nước.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/6/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương).

* Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Phúc Ứng;
- UBND xã Tú Thịnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Long Thị Tuyết Mai